TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HS-ST
Ngày: 30-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Diệp.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Tùng;
2. Ông Phạm Đình Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông Lê Doãn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1033/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2026, đối với cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức P, giới tính: nam; sinh ngày 12/4/1992 tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn G, xã T, thành phố Đà Nẵng; căn cước công dân số: 049092001113; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: công giáo; con ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1968; có vợ là Đinh Thị T1, sinh năm 1987; có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt quả tang ngày 07/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 16/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đ.

Bị Viện kiểm sát khu vực 6- Đà Nẵng truy tố về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần D1, Chi nhánh Q, địa chỉ: đường V, xã B, huyện T nay là đường V, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, địa chỉ: thôn H, xã N, thành phố Đà Nẵng – Nhân viên giám sát Công ty. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 12 năm 2025, Nguyễn Đức P bắt đầu tìm hiểu sử dụng ma túy, thông qua một số người khác (không rõ họ tên) đi taxi, P xin từ khách số điện thoại của người đàn ông tên T2 tại thị xã Đ (cũ) rồi liên hệ mua của T2 300.000 đồng ma túy đá (Methamphetamine). Sau khi mua được ma túy, P lấy một ít ra sử dụng, phần còn lại cất giữ. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/01/2026 tại khu vực đường N thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng, P lấy phần còn lại ma túy mua trước đó vào tháng 12/2025 sử dụng hết. Đến khoảng 22 giờ ngày 06/01/2026, trên đường lái taxi qua khu vực phường Đ, thành phố Đà Nẵng, P sử dụng điện thoại của mình điện vào số điện thoại 0905787097 của người tên T2 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì T2 đồng ý, P điều khiển xe đến gần khu vực bùng binh thuộc phường Đ, thành phố Đà Nẵng để gặp T2 lấy 01 gói ma túy và trả cho Tí 300.000 đồng tiền mặt. Sau khi mua ma túy, P cất gói ma túy trong túi áo bên trái của P. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/01/2026, P mang theo gói ma túy cất vào túi áo bên trái để sử dụng và điều khiển xe ô tô taxi, nhãn hiệu Vinfast VF5, màu xanh BKS 92E-012.46 đi đón khách tại đường T thuộc thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng. Khi đến nơi đón khách, P xuống xe ngồi cạnh xe taxi tại khu vực trước nhà số A đường T. Lúc này, Tổ công tác Công an xã T đang tuần tra trên đường phát hiện P có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính thì P tự nguyện lấy từ túi áo trong bên trái ra 01 gói ni lông trong suốt, được hàn kín, kích thước 2,5x 2cm, bên trong chứa ma túy giao nộp cho Tổ công tác Công an xã T. Trên cơ sở đó, Công an xã T tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đức P.

Tại bản kết luận giám định số 96/KL-KTHS ngày 13/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận:

- Chất rắn dạng tinh thể niêm phong ký hiệu 01 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,199 gam.

- Mẫu nước tiểu của Nguyễn Đức P niêm phong ký hiệu số 04 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT-VKSDNG-KV6 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Đức P về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước luận tội, giữ nguyên Cáo trạng về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức P phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức P không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua tranh tụng tại phiên tòa xác định được như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 07/01/2026 tại khu vực trước nhà số A đường T thuộc thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng; Tổ công tác Công an xã T phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đức P đang tàng trữ trái phép 0,199 gam ma túy, loại Methamphetamine. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đức P đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Có căn cứ để khẳng định Cáo trạng số: 47/CT-VKSDNG-KV6 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức P là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự và năng lực hành vi để nhận thức được việc mua ma túy về tàng trữ để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Mặc dù, nhận thực được hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử bị cáo mức án nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hoàn cảnh gia

đình khó khăn, bị cáo có ông ngoại Nguyễn Công P1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về loại hình phạt áp dụng: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hại cho xã hội nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có đủ điều kiện để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Xét bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định (hoàn trả 0,128 gam Methamphetamine) và toàn bộ bao gói mẫu được niêm phong trong 1 phong bì thư bằng giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, được niêm phong bằng dấu của Phòng K Công an thành phố Đ là tang vật phạm tội của bị cáo nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Đức P là tang vật của vụ án, quá trình giám định đã sử dụng hết nên không đề cập xử lý; sau giám định hoàn trả 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu đựng trong túi niêm phong bằng giấy dán kín và dán băng keo trong suốt bên ngoài được niêm phong bởi hình dấu đỏ của Phòng K Công an thành phố Đ nên tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa.

Đối với 02 mảnh ni long trong suốt, thu được sau khi mở túi ni lông trong suốt của Nguyễn Đức P là các mảnh ni lông dùng để bọc ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, gắn sim số 0373705818. Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Đức P sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ; đối với sim số 0373705818 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe ô tô taxi Vinfast VF5 màu xanh, BKS 92E-012.46 tạm giữ trong quá trình bắt quả tang Nguyễn Đức P. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mày là tài sản thuộc quyền sử hữu của Công ty Cổ phần D1 Chi nhánh Q; Nguyễn Đức P là nhân viên lái xe taxi của Công ty và được giao xe ô tô này sử dụng từ ngày 26/3/2024 đến ngày 07/01/2026. Công ty không biết P sử dụng xe để dùng vào việc mua và sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT đã trả lại xe ô tô cho Công ty Cổ phần D1 và thông minh GSM Chi Nhánh Q là phù hợp.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với người đàn ông tên T2, Nguyễn Đức P khai đã bán ma túy cho P. Quá trình điều tra, Nguyễn Đức P khai đã gọi cho số điện thoại 0905787097 để liên hệ Tí mua ma túy. Qua tra cứu, xác định thông tin chủ thuê bao của số điện thoại này là bà Lê Thị Minh D, sinh năm 1972, địa chỉ: tổ F, phường S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình làm việc, bà D khai không đăng ký, sử dụng, cũng như

không biết số điện thoại 0905787097, không rõ lý do vì sao bản thân đứng tên chủ thuê bao này; bà D cũng không quen biết Nguyễn Đức P và đối tượng tên T2. Cơ quan CSĐT đã gửi yêu cầu cung cấp lịch sử cuộc gọi của số điện thoại 0905787097 nhưng chưa nhận được kết quả trả lời. P không biết lai lịch của người tên T2, do đó không có cơ sở xử lý đối tượng tên Tí nên Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Đức P. Kết quả điều tra xác định P không nằm trong diện đối tượng theo quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự . Do đó không đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng trái phép chất ma túy"* mà hành vi của P vi phạm vào điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực gia đình nên đã ban hành Công văn đề nghị Công an xã T xử lý vi phạm hành chính. Ngày 16/6/2026 Công an xã T ban hành Quyết định số 133/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Đức P với số tiền 1.500.000đ.

Đối với hành vi *"Điều khiển xe ô tô trong cơ thể có chất ma túy"* vào ngày 07/01/2026 tại xã T, thành phố Đà Nẵng của Nguyễn Đức P đã vi phạm vào điểm c khoản 11 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Cơ quan CSĐT đã ban hành văn bản đề nghị Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[8] Về án phí HSST: bị cáo Nguyễn Đức P phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức P phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 03 *(ba)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt quả tang ngày 07/01/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Phần khối lượng Methamphetamine còn lại sau giám định *(0,128 gam Methamphetamine sau giám định)* và toàn bộ bao gói mẫu được niêm phong trong một bì thư bằng giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, được niêm phong bằng dấu của Phòng K Công an thành phố Đ có chữ ký của Võ Duy T3, Lê Văn T4. 01 *(một)* vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu trong túi niêm phong bằng giấy dán kín và dán băng keo trong suốt bên ngoài được niêm phong bởi hình dấu đỏ của Phòng K Công an thành phố Đ có chữ ký của Võ Duy T3, Lê

Văn T4. 02 *(hai)* mảnh ni lông trong suốt, được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Đức P, Phan Thanh C, Võ Duy T3 và 03 con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 *(một)* điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, Số IMEI: 353986109568769 thu giữ của Nguyễn Đức P.

- Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0373705818 thu giữ của Nguyễn Đức P.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân khu vực 6 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2026).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức P phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2026); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành TT;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV 6- Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Người tham gia TT;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 6
ZMU300726.TL.GDBA
1403

Võ Minh Diệp